

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với người
làm công tác cơ yếu nghỉ hưu, chuyển ngành, thôi việc, hy sinh,
tử trận hoặc chuyển sang làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu**

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 61/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 32/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật cơ yếu về chế độ, chính sách đối với người làm công tác cơ yếu;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với người làm công tác cơ yếu nghỉ hưu, chuyển ngành, thôi việc, hy sinh, tử trận hoặc chuyển sang làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với người làm công tác cơ yếu nghỉ hưu, chuyển ngành, thôi việc, hy sinh, tử trận hoặc chuyển sang làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu; chuyển sang làm việc

tại doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị không hưởng lương từ ngân sách nhà nước; quy đổi thời gian để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần quy định tại Chương IV Nghị định số 32/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật cơ yếu về chế độ, chính sách đối với người làm công tác cơ yếu (sau đây gọi tắt là Nghị định số 32/2013/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Người làm công tác cơ yếu không phải là quân nhân, Công an nhân dân hưởng lương theo bảng lương cấp hàm cơ yếu và bảng lương chuyên môn kỹ thuật cơ yếu (sau đây gọi tắt là người làm công tác cơ yếu).

Điều 3. Cơ sở để tính hưởng chế độ

1. Tiền lương để tính hưởng chế độ

a) Tiền lương tháng để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 32/2013/NĐ-CP và hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 4 Mục 1 Chương II Thông tư liên tịch này được tính bằng bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 05 năm cuối (60 tháng) trước khi người làm công tác cơ yếu nghỉ hưu. Khi tính bình quân tiền lương tháng, được chuyển đổi theo chế độ tiền lương quy định tại thời điểm người làm công tác cơ yếu hưởng chế độ hưu trí.

b) Tiền lương tháng để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 17; Điều 18; Khoản 2 Điều 19; Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 32/2013/NĐ-CP và hướng dẫn tại Điểm b Khoản 2 Điều 8 Mục 3; Điểm b, Điểm c Khoản 1 và Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều 10, Khoản 2 Điều 11, Khoản 3 Điều 12 Mục 4 Chương II Thông tư liên tịch này là tiền lương tháng hiện hưởng của tháng liền kề trước thời điểm người làm công tác cơ yếu nghỉ hưu, chuyển ngành, thôi việc, hy sinh, tử trận hoặc chuyển sang làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu.

c) Tiền lương tháng để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần nêu tại Điểm a và Điểm b Khoản này bao gồm: tiền lương theo bảng lương cấp hàm, bậc, hệ số lương và các khoản phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và mức chênh lệch bảo lưu (nếu có).

2. Thời gian công tác để tính hưởng chế độ

a) Thời gian công tác để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 14; Điểm b Khoản 1 Điều 17; Điều 18 Nghị định số 32/2013/NĐ-CP và hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 4 Mục 1; Điểm b Khoản 2 Điều 8 Mục 3; Điểm b, Điểm c Khoản 1 và Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều 10, Khoản 2 Điều 11 Mục 4 Chương II Thông tư liên tịch này là tổng thời gian làm việc trong tổ chức cơ yếu (bao gồm thời gian là người làm công tác cơ yếu, học sinh cơ yếu hưởng phụ cấp sinh hoạt phí, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu) và thời gian làm việc tại cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trước khi vào làm việc trong tổ chức cơ yếu.

b) Thời gian công tác để tính quy đổi quy định tại Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 32/2013/NĐ-CP và hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 12 Mục 4 Chương II Thông tư liên tịch này để hưởng chế độ trợ cấp một lần là tổng thời gian công tác trong quân đội, công an, tổ chức cơ yếu có tham gia trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn khó khăn, ngành, nghề có tính chất đặc thù.

c) Thời gian công tác nêu tại Điểm a và Điểm b Khoản này nếu đứt quãng mà chưa hưởng trợ cấp một lần (phục viên, xuất ngũ, thôi việc, chuyển ngành) thì được cộng dồn.

3. Khi tính hưởng chế độ, nếu có tháng lẻ thì được tính như sau: dưới 03 tháng không tính; từ đủ 03 tháng đến đủ 06 tháng tính bằng 1/2 (một nửa) mức hưởng của 01 năm; từ trên 06 tháng đến đủ 12 tháng tính bằng mức hưởng của 01 năm.

Chương II **CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH**

Mục 1

ĐỐI VỚI NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC CƠ YẾU NGHỈ HƯU

Điều 4. Chế độ trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước hạn tuổi

Chế độ trợ cấp một lần đối với người làm công tác cơ yếu nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất quy định tại Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 32/2013/NĐ-CP thực hiện như sau:

1. Người làm công tác cơ yếu đủ điều kiện nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo quy định tại Điều 27 Luật cơ yếu, được hưởng chế độ trợ cấp một lần thuộc diện dôi dư do thay đổi tổ chức, biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Hạn tuổi để tính hưởng chế độ trợ cấp khi người làm công tác cơ yếu nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo quy định tại Điều 27 Luật cơ yếu thực hiện như sau:

a) Người làm công tác cơ yếu có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục nghề, công việc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số từ 0,7 trở lên: nam đủ 55 tuổi, nữ đủ 50 tuổi;

b) Những người không thuộc đối tượng quy định tại Điểm a Khoản này: nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi;

c) Tuổi để xác định người làm công tác cơ yếu nghỉ hưu trước tuổi so với hạn tuổi cao nhất quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này ít nhất là 01 năm (đủ 12 tháng), được tính từ tháng sinh đến tháng liền kề trước khi người làm công tác cơ yếu nghỉ hưởng lương hưu hàng tháng;

d) Đối với các trường hợp do hoàn cảnh đặc biệt, trong các loại hồ sơ không xác định được ngày, tháng sinh mà chỉ xác định được năm sinh thì lấy ngày 01 tháng 7 năm sinh của đối tượng để làm căn cứ tính tuổi nghỉ hưu.

3. Người làm công tác cơ yếu nghỉ hưu trước hạn tuổi cao nhất theo quy định tại Khoản 2 Điều này được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có) theo quy định của pháp luật và được hưởng các khoản trợ cấp một lần, bao gồm:

a) Trợ cấp bằng 03 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước hạn tuổi.

Tiền trợ cấp cho số năm nghỉ hưu trước hạn tuổi tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tiền trợ cấp tính cho} \\ \text{thời gian nghỉ hưu} \\ \text{trước hạn tuổi quy định} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số năm được trợ cấp} \\ \text{(tính theo thời gian nghỉ} \\ \text{hưu trước hạn tuổi quy định)} \end{array} \times 03 \text{ tháng} \times \begin{array}{l} \text{Tiền lương} \\ \text{tháng bình} \\ \text{quân} \end{array}$$

b) Trợ cấp bằng 05 tháng tiền lương cho 20 năm đầu công tác; từ năm thứ 21 trở đi, mỗi năm công tác được trợ cấp bằng 1/2 (một nửa) tháng tiền lương bình quân.

Tiền trợ cấp cho số năm công tác tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tiền trợ} \\ \text{cấp cho} \\ \text{số năm} \\ \text{công tác} \end{array} = [05 \text{ tháng} + \{(tổng \text{ số năm công tác} - 20 \text{ năm}) \times 1/2 \text{ tháng}\}] \times \begin{array}{l} \text{Tiền lương} \\ \text{tháng bình} \\ \text{quân} \end{array}$$

4. Trường hợp không được hưởng chế độ trợ cấp

a) Người làm công tác cơ yếu còn đủ điều kiện phục vụ trong lực lượng cơ yếu và tổ chức cơ yếu còn nhu cầu bố trí, sử dụng nhưng xin nghỉ hưu trước hạn tuổi do nhu cầu cá nhân;

b) Người làm công tác cơ yếu bị kỷ luật hình thức giáng chức, cách chức, hạ bậc lương buộc phải thôi làm việc trong tổ chức cơ yếu;

c) Người làm công tác cơ yếu đi học tập, công tác, nghỉ phép ở nước ngoài quá thời hạn từ 30 ngày trở lên không được cấp có thẩm quyền cho phép.

Mục 2

ĐỐI VỚI NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC CƠ YẾU CHUYÊN NGÀNH

Điều 5. Chuyên ngành được tuyển dụng vào làm việc tại cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước

1. Được miễn thi tuyển trong các trường hợp sau:

a) Người làm công tác cơ yếu nguyên là cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước được chuyển về cơ quan, đơn vị đã công tác trước khi vào làm việc trong tổ chức cơ yếu và được sắp xếp đúng ngành nghề, chuyên môn, nghiệp vụ đào tạo;

b) Người làm công tác cơ yếu chuyên ngành theo yêu cầu của cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước, được sắp xếp việc làm đúng ngành nghề chuyên môn, nghiệp vụ đào tạo.

2. Người làm công tác cơ yếu đã chuyển ngành, khi nghỉ hưu, cách tính lương hưu được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 153/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân.

Điều 6. Chuyển ngành sang các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước sau đó chuyển sang cơ quan, đơn vị không hưởng lương từ ngân sách nhà nước

1. Người làm công tác cơ yếu chuyển ngành sang các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước, sau đó chuyển sang cơ quan, đơn vị không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, nếu đủ điều kiện nghỉ hưu thì mức bình quân tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm xã hội làm căn cứ để tính chế độ hưu của người làm công tác cơ yếu được tính theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Khi tính mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội cho thời gian công tác theo chế độ tiền lương do nhà nước quy định để làm căn cứ tính chế độ hưu đối với người làm công tác cơ yếu, được cộng thêm khoản phụ cấp thâm niên nghề theo mức lương tại thời điểm liền kề trước khi người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, được chuyển đổi theo chế độ tiền lương quy định tại thời điểm nghỉ hưu.

Điều 7. Đã chuyển ngành sau đó trở lại phục vụ trong tổ chức cơ yếu

Người làm công tác cơ yếu đã chuyển ngành, do nhu cầu của lực lượng cơ yếu và được cấp có thẩm quyền điều động trở lại làm việc trong tổ chức cơ yếu quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 32/2013/NĐ-CP, được sắp xếp công việc mới phù hợp với trình độ, năng lực của người làm công tác cơ yếu và được tính bậc lương, xét nâng bậc lương, tính thâm niên công tác theo quy định của pháp luật về chế độ nâng bậc lương, tính thâm niên công tác đối với người làm công tác cơ yếu.

Mục 3

ĐỐI VỚI NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC CƠ YẾU THÔI VIỆC

Điều 8. Người làm công tác cơ yếu thôi việc

1. Người làm công tác cơ yếu thôi làm việc trong tổ chức cơ yếu không đủ điều kiện nghỉ hưu, không chuyển ngành được thì được giải quyết thôi việc.

2. Người làm công tác cơ yếu thôi việc theo quy định tại Khoản 1 Điều này được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có) theo quy định của pháp luật và được hưởng các khoản trợ cấp sau:

a) Trợ cấp tạo việc làm bằng 06 tháng tiền lương cơ sở theo quy định của Chính phủ tại thời điểm thôi việc (mức tiền lương tối thiểu chung theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 32/2013/NĐ-CP được xác định là mức tiền lương cơ sở theo quy định của Chính phủ); được ưu tiên học nghề hoặc giới thiệu việc làm tại các tổ chức giới thiệu việc làm của các Bộ, ngành, đoàn thể, địa phương và các tổ chức kinh tế - xã hội khác;

b) Trợ cấp thôi việc một lần, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương hiện hưởng.

Tiền trợ cấp thôi việc một lần tính theo công thức sau:

$$\text{Tiền trợ cấp thôi việc một lần} = \left\{ \begin{array}{l} \text{Số năm} \\ \text{làm công} \\ \text{tác cơ yếu} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số năm công tác tại các cơ quan,} \\ \text{đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà} \\ \text{nước có đóng bảo hiểm xã hội trước} \\ \text{khi vào làm công tác cơ yếu (nếu có)} \end{array} \right\} \times \begin{array}{l} \text{Tiền lương} \\ \text{tháng liền kề} \\ \text{trước khi} \\ \text{thôi việc} \end{array}$$

Điều 9. Người làm công tác cơ yếu thôi việc sau đó chuyển ngành hoặc chuyển sang các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị không hưởng lương từ ngân sách nhà nước

1. Người làm công tác cơ yếu đã thôi việc trong thời gian không quá 01 năm (12 tháng), kể từ ngày quyết định thôi việc có hiệu lực, nếu được tuyển dụng vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước, thực hiện chế độ, chính sách như sau:

a) Được thực hiện chế độ, chính sách chuyển ngành theo hướng dẫn tại Điều 5 Mục 2 Chương này;

b) Khi thực hiện chế độ chuyển ngành phải hoàn trả lại tiền trợ cấp thôi việc một lần hướng dẫn tại Điểm b Khoản 2 Điều 8 Mục này và trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần đã nhận; không phải hoàn trả lại tiền trợ cấp tạo việc làm.

2. Người làm công tác cơ yếu đã thôi việc trong thời gian không quá 01 năm, kể từ ngày quyết định thôi việc có hiệu lực, nếu được tuyển dụng vào làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, thực hiện chế độ, chính sách như sau:

a) Không phải hoàn trả lại chế độ trợ cấp tạo việc làm, chế độ trợ cấp thôi việc một lần đã nhận theo hướng dẫn tại Điểm a và Điểm b Khoản 2 Điều 8 Mục này;

b) Nếu có nguyện vọng tính nổi thời gian đóng bảo hiểm xã hội thì phải hoàn trả quỹ bảo hiểm xã hội khoản trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần đã nhận.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cũ của người làm công tác cơ yếu đã thôi việc, nếu cơ quan, đơn vị cũ đã giải thể thì cơ quan, đơn vị cấp trên có trách nhiệm thu hồi quyết định thôi việc và các khoản trợ cấp nêu trên theo quy định, đồng thời ra quyết định chuyển ngành hoặc đề nghị cấp trên ra quyết định chuyển ngành và nộp khoản trợ cấp thôi việc một lần vào ngân sách nhà nước đối với các khoản trợ cấp từ nguồn ngân sách nhà nước, nộp khoản trợ cấp bảo

hiểm xã hội một lần đã nhận vào tài khoản chuyên thu của bảo hiểm xã hội, đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận lại thời gian đóng bảo hiểm xã hội trên chính sổ bảo hiểm xã hội cũ của đối tượng.

Mục 4

ĐỐI VỚI NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC CƠ YẾU HY SINH, TỪ TRẦN HOẶC CHUYỂN SANG LÀM CÔNG TÁC KHÁC TRONG TỔ CHỨC CƠ YẾU; QUY ĐỐI THỜI GIAN ĐỂ TÍNH HƯỞNG CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP MỘT LẦN ĐỐI VỚI NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC CƠ YẾU KHI THÔI LÀM VIỆC TRONG TỔ CHỨC CƠ YẾU

Điều 10. Đối với người làm công tác cơ yếu hy sinh, từ trần

1. Người làm công tác cơ yếu hy sinh

a) Thân nhân của người làm công tác cơ yếu được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng và pháp luật về bảo hiểm xã hội;

b) Thân nhân của người làm công tác cơ yếu được hưởng chế độ trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương hiện hưởng của người làm công tác cơ yếu trước khi hy sinh;

c) Thân nhân của người làm công tác cơ yếu được hưởng chế độ trợ cấp một lần cho thời gian chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn khó khăn, ngành, nghề có tính chất đặc thù (nếu có) quy định tại Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 32/2013/NĐ-CP và hướng dẫn tại Điều 12 Mục này.

2. Người làm công tác cơ yếu từ trần

a) Thân nhân của người làm công tác cơ yếu được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

b) Thân nhân của người làm công tác cơ yếu được hưởng chế độ trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương hiện hưởng của người làm công tác cơ yếu trước khi từ trần;

c) Thân nhân của người làm công tác cơ yếu được hưởng chế độ trợ cấp một lần cho thời gian chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn khó khăn, ngành, nghề có tính chất đặc thù (nếu có) quy định tại Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 32/2013/NĐ-CP và hướng dẫn tại Điều 12 Mục này.

3. Thân nhân của người làm công tác cơ yếu được hưởng chế độ trợ cấp một lần từ nguồn ngân sách nhà nước hướng dẫn tại Điểm b, Điểm c Khoản 1 và Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều này là một trong các đối tượng sau: vợ hoặc chồng; bố đẻ, mẹ đẻ; con đẻ, con nuôi hợp pháp hoặc người nuôi dưỡng hợp pháp.

4. Không áp dụng chế độ trợ cấp một lần từ nguồn ngân sách nhà nước hướng dẫn tại Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều này đối với các trường hợp người làm công tác cơ yếu từ trần do tự sát, tự tử hoặc từ trần do vi phạm pháp luật.

Điều 11. Đối với người làm công tác cơ yếu chuyển sang làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu

1. Chế độ tiền lương thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 32/2013/NĐ-CP.

2. Người làm công tác cơ yếu chuyển sang làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu được hưởng chế độ trợ cấp một lần cho thời gian tăng thêm do quy đổi khi có thời gian chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn khó khăn, ngành, nghề có tính chất đặc thù quy định tại Điều 20 Nghị định số 32/2013/NĐ-CP và hướng dẫn tại Điều 12 Mục này; sau đó, do yêu cầu của tổ chức cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu chuyển sang làm công tác cơ yếu thì khi thôi làm việc trong tổ chức cơ yếu, thời gian đã được tính trợ cấp trên không được tính lại.

3. Người làm công tác cơ yếu thuộc diện chuyển sang làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu khi đủ điều kiện nghỉ hưu, lương hưu được tính theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 153/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân.

Điều 12. Quy đổi thời gian để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với người làm công tác cơ yếu khi thôi làm việc trong tổ chức cơ yếu

1. Điều kiện quy đổi, mức quy đổi để tính chế độ trợ cấp một lần đối với người làm công tác cơ yếu khi nghỉ hưu, chuyển ngành, thôi việc, hy sinh, tử trận hoặc chuyển sang làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu quy định tại Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 32/2013/NĐ-CP thực hiện như sau:

a) Người làm công tác cơ yếu (kể cả thời gian là học sinh cơ yếu) được quy đổi theo hệ số 01 năm bằng 01 năm 06 tháng để tính hưởng trợ cấp khi:

Tham gia chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu ở chiến trường miền Nam, Lào từ ngày 20/7/1954 đến ngày 30/4/1975; trong chiến tranh phá hoại ở miền Bắc từ ngày 05/8/1964 đến ngày 27/01/1973; làm nhiệm vụ giúp bạn Lào từ tháng 5/1975 đến ngày 31/12/1988; ở chiến trường Campuchia từ ngày 20/7/1954 đến ngày 31/8/1989; truy quét Ful rô từ tháng 5/1975 đến tháng 12/1992 (trừ trường hợp đi học tập, chữa bệnh và công tác ở nước ngoài).

Tham gia chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu ở biên giới Tây Nam từ tháng 5/1975 đến ngày 07/01/1979; ở biên giới phía Bắc từ tháng 02/1979 đến ngày 31/12/1988. Địa bàn biên giới trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc được tính quy đổi là huyện biên giới.

Làm nhiệm vụ quốc tế và nhiệm vụ đặc biệt ở Lào, Campuchia qua các thời kỳ (trừ trường hợp được cử đi học, đi theo chế độ ngoại giao hoặc đi làm kinh tế).

b) Người làm công tác cơ yếu (kể cả thời gian là học sinh cơ yếu) được quy đổi theo hệ số 01 năm bằng 01 năm 04 tháng để tính hưởng trợ cấp khi:

Công tác ở địa bàn có phụ cấp đặc biệt mức 100% quy định tại Thông tư số 09/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp đặc biệt.

Làm nghề, công việc đặc thù được xếp lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (loại V, loại VI) theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người làm công tác cơ yếu (kể cả thời gian là học sinh cơ yếu) được quy đổi theo hệ số 01 năm bằng 01 năm 02 tháng để tính hưởng trợ cấp khi:

Công tác ở địa bàn có phụ cấp khu vực từ hệ số 0,7 trở lên quy định tại Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2005 giữa Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực.

Làm nghề, công việc đặc thù được xếp lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (loại IV) theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

d) Khi có quy định sửa đổi, bổ sung về địa bàn có phụ cấp đặc biệt mức 100%, về địa bàn có phụ cấp khu vực từ hệ số 0,7 trở lên, về danh mục nghề, công việc đặc thù được xếp lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì được thực hiện theo quyết định sửa đổi, bổ sung.

2. Cách tính quy đổi

a) Trường hợp trong cùng một thời gian công tác, nếu có từ 2 điều kiện nêu trên trở lên thì chỉ được hưởng theo mức quy đổi cao nhất; thời gian công tác được quy đổi đứt quãng thì được cộng dồn để tính hưởng trợ cấp.

b) Thời gian công tác ở địa bàn trước đây chưa được quy định mà sau đó quy định mức phụ cấp đặc biệt 100% hoặc phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên thì thời gian công tác ở địa bàn đó được quy đổi thời gian để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần.

Thời gian công tác ở địa bàn trước đây được quy định mức phụ cấp đặc biệt 100% hoặc phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên mà sau đó quy định mức phụ cấp đặc biệt dưới 100% hoặc phụ cấp khu vực dưới hệ số 0,7 thì thời gian công tác trước đó ở địa bàn nói trên đến ngày có quy định mới được tính là thời gian công tác được quy đổi để tính hưởng trợ cấp.

c) Thời gian công tác làm nghề hoặc công việc nhưng trước đây chưa được xếp loại, sau đó nghề hoặc công việc đó được xếp loại IV trở lên thì thời gian làm nghề hoặc công việc này được tính loại IV trở lên từ khi bắt đầu làm nghề hoặc công việc đó để quy đổi tính hưởng trợ cấp.

Thời gian công tác làm nghề hoặc công việc mà trước đây được xếp loại thấp hơn, sau đó nghề hoặc công việc đó được xếp loại cao hơn thì được tính

thời gian theo loại cao hơn kể từ khi bắt đầu vào làm nghề hoặc công việc đó để quy đổi tính hưởng trợ cấp.

Thời gian công tác làm nghề hoặc công việc mà trước đây được xếp loại cao hơn, sau đó nghề hoặc công việc đó xếp loại thấp hơn thì được tính thời gian làm nghề hoặc công việc theo loại cao hơn đã xếp từ khi làm nghề hoặc công việc đó đến trước ngày liền kề quyết định mới có hiệu lực, sau đó tính theo loại mới thấp hơn đã được quy định tại quyết định mới để quy đổi thời gian tính hưởng trợ cấp.

3. Thời gian tăng thêm do quy đổi nêu trên được tính hưởng chế độ trợ cấp một lần với mức cứ mỗi năm tăng thêm do quy đổi được trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương hiện hưởng.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Kinh phí bảo đảm

Kinh phí thực hiện các chế độ trợ cấp quy định tại Chương IV Nghị định số 32/2013/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 14. Hồ sơ và thẩm quyền giải quyết chế độ

1. Hồ sơ giải quyết các chế độ cho người làm công tác cơ yếu nghỉ hưu, chuyển ngành, thôi việc, hy sinh, tử trần, chuyển sang làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Trường hợp người làm công tác cơ yếu được hưởng các chế độ, chính sách quy định tại Chương IV Nghị định số 32/2013/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này, hồ sơ phải có Phiếu thanh toán chế độ trợ cấp theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này. Cơ quan quản lý người làm công tác cơ yếu lập Phiếu thanh toán chế độ trợ cấp; cơ quan Chính sách chịu trách nhiệm chủ trì thẩm định, trình Thủ trưởng đơn vị phê duyệt. Phiếu thanh toán chế độ trợ cấp được lập thành 04 bản cho mỗi đối tượng (cơ quan Chính sách 01 bản, cơ quan Tài chính 01 bản, cơ quan quản lý người làm công tác cơ yếu 01 bản, đối tượng 01 bản).

2. Thẩm quyền ra quyết định, phân cấp quản lý người làm công tác cơ yếu thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý người làm công tác cơ yếu.

Điều 15. Trách nhiệm của các Bộ liên quan

1. Bộ Quốc phòng

a) Chủ trì phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Chương IV Nghị định số 32/2013/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này;

b) Triển khai thực hiện các chế độ, chính sách đối với người làm công tác cơ yếu tại Ban Cơ yếu Chính phủ quy định tại Chương IV Nghị định số 32/2013/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này.

2. Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Bộ Quốc phòng và các cơ quan liên quan triển khai hướng dẫn thực hiện, kiểm tra, giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Chương IV Nghị định số 32/2013/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này.

3. Bộ Tài chính

a) Căn cứ đề nghị của Bộ, ngành, địa phương có sử dụng người làm công tác cơ yếu, tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp một lần quy định tại Chương IV Nghị định số 32/2013/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

b) Phối hợp với Bộ Quốc phòng và các cơ quan liên quan triển khai hướng dẫn thực hiện, kiểm tra, giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Chương IV Nghị định số 32/2013/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này.

4. Các Bộ, ngành, địa phương có sử dụng người làm công tác cơ yếu

a) Tổ chức phổ biến, quán triệt, hướng dẫn, thực hiện chế độ, chính sách đối với người làm công tác cơ yếu quy định tại Chương IV Nghị định số 32/2013/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương có liên quan giải quyết các vướng mắc phát sinh tại Bộ, ngành, địa phương;

b) Hàng năm, lập dự toán ngân sách bảo đảm, chi trả chế độ trợ cấp cho người làm công tác cơ yếu theo quy định tại Chương IV Nghị định số 32/2013/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2014.

2. Chế độ, chính sách hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2013.

3. Thông tư liên tịch này thay thế Thông tư liên tịch số 79/2004/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2004 của Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 102/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh cơ yếu về chế độ, chính sách đối với người làm công tác cơ yếu nghỉ hưu, chuyển ngành, thôi việc hoặc chuyển sang làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các Bộ, ngành, địa phương phản ánh về Bộ Quốc phòng (qua Ban Cơ yếu Chính phủ) để phối hợp với liên Bộ xem xét, giải quyết./.

**BỘ TRƯỞNG
BỘ NỘI VỤ**



Nguyễn Thái Bình

**BỘ TRƯỞNG
BỘ QUỐC PHÒNG**



Đại tướng Phùng Quang Thanh

**BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH**



Đinh Tiến Dũng

**BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**



Phạm Thị Hải Chuyền

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- Các Tỉnh ủy, Thành ủy;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử BQP, BNV, BLĐT&XH, BTC;
- Lưu: VT, BCY, PC các bộ: NV, LĐT&XH, TC.

MẪU PHIẾU THANH TOÁN CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 11/2014/TTLT-BQP-BNV-BLĐTBXH-BTC ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với người làm công tác cơ yếu nghỉ hưu, chuyển ngành, thôi việc, hy sinh, tử trận hoặc chuyển sang làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu)

.....
ĐƠN VỊ..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/PTT-TC

....., ngày.....tháng.....năm.....

PHIẾU THANH TOÁN CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP

Họ và tên:..... Sinh ngày/...../.....
Cấp bậc (hệ số lương): Chức vụ:
Đơn vị:.....
Được:..... (1) theo Quyết định số.....
Của:.....(2)
Tiền lương tháng bình quân 05 năm cuối là:.....
Tiền lương tháng hiện hưởng là:.....
Các chế độ được hưởng:
1. Trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi:.....
2. Trợ cấp thôi việc một lần:.....
3. Trợ cấp tạo việc làm:.....
4. Trợ cấp một lần khi hy sinh, tử trận:.....
5. Trợ cấp một lần thời gian tăng thêm do quy đổi:.....
6. Tiền tàu xe:.....
Cộng:.....
Bằng chữ:.....

CƠ QUAN CHÍNH SÁCH

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

CƠ QUAN TÀI CHÍNH

NGƯỜI NHẬN TIỀN

Ghi chú:

- (1) Các chế độ được hưởng khi thôi làm việc trong tổ chức cơ yếu, hy sinh, tử trận.
- (2) Quyết định của cấp có thẩm quyền.